

Bản án số: 45/2023/HNGĐ - ST

Ngày 29/9/2023.

(V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiêu, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2023/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trương Thúy H, sinh năm 1994, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Trương Quang H 1, sinh năm 1994, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Chị H vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, anh H 1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2023, bản tự khai, biên bản đối chất nguyên đơn chị Trương Thúy H trình bày: tôi và anh Trương Quang H 1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện N vào ngày 22/11/2017. Sau khi kết hôn chúng tôi vào thành phố H làm ăn một thời gian. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H 1 hay ghen tuông nên đã đánh đập tôi nhiều lần. Đến năm 2022 thì tôi có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xô xát nghiêm trọng nhưng vợ chồng cũng đã tha thứ, quay về với nhau. Tuy nhiên đến tháng 5/2023 anh H 1 lại đánh đập tôi nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn H2, xã Q, huyện N sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Quang H 1.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung, là cháu Trương Minh Ng sinh ngày 16/5/2018, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Ngọc ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Trương Minh Ng và không yêu cầu anh H 1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2023, biên bản đối chất anh Trương Quang H 1 trình bày: tôi và chị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, huyện N đúng như chị H đã trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn chúng tôi vào thành phố Hsinh sống làm ăn lao động tự do một thời gian. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không hợp nhau, có nhiều nghi ngờ về lòng chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Đến tháng 10 năm 2022 tôi phát hiện chị H ngoại tình nên vợ chồng lại có va chạm làm cho mâu thuẫn vợ chồng nặng thêm. Tôi thừa nhận có hành vi bạo lực với chị H vài lần. Đến tháng 5/2023 vợ chồng lại xảy ra va chạm, mâu thuẫn và tôi có hành vi bạo lực với chị H nên chị H đã bế con bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H2, xã Q, huyện N sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay. Tôi thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng tôi vẫn còn yêu thương vợ nên tôi không đồng ý ly hôn với chị H. Sau đó Tòa án đã giao hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H 1 đã không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: anh Trương Quang H 1 cũng khai: chúng tôi có 01 con chung, là cháu Trương Minh Ng sinh ngày 16/5/2018, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Ngọc ở với chị H.. Nếu trường hợp phải ly hôn anh H 1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trương Minh Ng và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: anh H 1 cũng không không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Quang H 1 có địa chỉ tại thôn H2, xã Q, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trương Thúy H và anh Trương Quang H 1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người vào thành phố H làm ăn một thời gian. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau và do sự nghi kỵ, nghi ngờ lòng chung thủy. Anh H 1 đã nhiều lần có hành vi bạo lực với chị H. Đến tháng 10 năm 2022 thì chị H có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xô xát nghiêm trọng nhưng vợ chồng cũng đã tha thứ, quay về với nhau. Tuy nhiên đến tháng 5/2023 vợ chồng lại xảy ra va chạm, mâu thuẫn và anh H 1 lại tiếp tục có hành vi bạo lực với chị H nên chị H đã bế con bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn H2, xã Q, huyện N sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay. Bản thân anh H 1 cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nghiêm trọng, nhưng anh H 1 có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H, anh H 1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Sau đó dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H 1 lại không lên Tòa án tham gia phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh H 1 không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trương Thúy H và anh Trương Quang H 1 đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thúy H, xử cho chị Trương Thúy H được ly hôn với anh Trương Quang H 1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trương Thúy H và anh Trương Quang H 1 có 01 con chung, là cháu Trương Minh Ng sinh ngày 16/5/2018, cả hai người đều có nguyện vọng nuôi con chung. Anh H 1 khai bản thân là nhân viên kinh doanh có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, chị H khai bản thân là giáo viên có thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng nhưng các đương sự đều không xuất trình được tài liệu chứng minh. Theo tài liệu chị H cung cấp thì lao động tự do có thu nhập trung bình trên địa bàn xã Q là 63.300.000 đồng/người/năm. Xét cả anh H 1 và chị H đều là những người khỏe mạnh nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Do cháu Trương Minh Ng còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi cháu Trương Minh Ng là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu nên không buộc anh H 1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh H 1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Trương Thúy H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trương Thúy H được ly hôn với anh Trương Quang H 1.

2. Về con chung: giao cháu Trương Minh Ng sinh ngày 16/5/2018 cho chị Trương Thúy H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trương Minh Ng đủ 18 tuổi. Anh Trương Quang H 1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh Trương Quang H 1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Trương Thúy H phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số AA/2023/0000279, ngày 29/6/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc